TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-PT
Ngày 19 – 03 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Cao Thị Túy Giang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2019/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 62/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1963; cư trú tại: Số 5/264, ấp T, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Bạch N, sinh năm 1957; cư trú tại: Số 5/264, ấp T, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị Cẩm N, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp T, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Ông Lê Văn C, sinh năm 1958; cư trú tại: Ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958; cư trú tại: Ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

4. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ

Trụ sở: Số 35, H, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Minh P, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch T - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, chi nhánh tỉnh Bạc Liêu; địa chỉ: Số 65A, đường T, phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

5. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Trụ sở: Số 169, L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bạc Liêu; địa chỉ: Số 48, đường L, phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Bạch N, sinh năm 1957; cư trú tại: Số 5/264, ấp T, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Bạch N thống nhất xác định ông bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1982, được Ủy ban nhân dân xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 13/7/2001. Ông V xác định trong quá trình chung sống, thời gian sau không hạnh phúc, vợ chồng không hợp nhau, vợ và con đều không lo lắng cho ông, ông và bà N đã ly thân 10 năm nay, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N. Bà N xác định trong quá trình chung sống, ông V thường xuyên chửi mắng, đánh đập bà; khoảng 01 năm nay ông V có mối quan hệ tình cảm với người khác, nên ông V thường xuyên đánh đập, chửi mắng bà, có lần ông V đánh bà nhập viện điều trị 03 ngày tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B; ông V đã đi nơi khác sinh sống khoảng 06 tháng nay; mặc dù cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà không còn tình cảm với ông V, nhưng do hiện nay bà lớn tuổi, cuộc sống hôn nhân bà không có làm gì sai mà người sai là ông V, nên bà không đồng ý ly hôn với ông V.

Về con chung: Ông V và bà N thống nhất trong quá trình chung sống ông, bà có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1984; Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1988 và Nguyễn Thanh V, sinh năm 1992; hiện nay các con của ông, bà đã trưởng thành và có gia đình riêng; nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung:

Ông V xác định ông và bà N trong quá trình chung sống có tạo lập tài sản chung là căn nhà số 5/246, tọa lạc tại ấp T, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nhà cấp 4, vợ chồng ông, bà đã xây dựng khoảng 15 năm. Đối với quyền sử dụng đất diện tích 13.570m^2, tọa lạc tại ấp T, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu là tài sản riêng của cha ông là ông Nguyễn Văn T (đã chết năm 2007, không để lại di chúc); không phải là tài sản chung của vợ chồng ông, bà. Đối với tài sản chung là căn nhà, ông V xác định tự thỏa thuận với bà N, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N xác định trong quá trình chung sống bà và ông V có tạo lập tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 13.570m^2 và căn nhà trên đất số 5/246, tọa lạc tại ấp T, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; căn nhà xây dựng được khoảng 15 năm. Đối với quyền sử dụng đất diện tích 13.570m^2 là tài sản của cha chồng bà là ông Nguyễn Văn T cho vợ chồng bà vào năm 1996, khi cho chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ gì, hiện nay cha chồng bà đã chết năm 2007, không để lại di chúc; bà và ông V quản lý, sử dụng từ năm 1996 đến nay; phần đất này ông Nguyễn Văn T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995. Đối với tài sản chung, bà tự thỏa thuận với ông V, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

Ông V xác định ông và bà N nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 35.000.000 đồng, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung. Ngoài ra, ông và bà N không còn nợ ai khác.

Bà N xác định bà và ông V nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bạc Liêu 12.000.000 đồng, số tiền này vay để nuôi tôm; nợ ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị L 65.000.000 đồng, mua thức ăn để nuôi tôm; nợ bà Huỳnh Thị Cẩm N 19.500.000 đồng, trong đó 9.500.000 đồng tiền mua vôi còn nợ và số tiền mượn để mua tôm giống là 10.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bà N yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Đối với khoản nợ 35.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ là nợ riêng của ông V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ trình bày: Ông V có vay của Ngân hàng số tiền 35.000.000 đồng vào năm 2005, có thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 13.570m^2, tọa lạc tại ấp T, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; do ông Nguyễn Văn T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với khoản nợ này, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này; khi cần thiết sẽ yêu cầu giải quyết ở vụ án khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị L thống nhất trình bày: Ông V và bà N có nợ ông, bà tiền mua thức ăn cho tôm là

65.000.000 đồng. Đối với khoản nợ này ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này; khi cần thiết sẽ yêu cầu giải quyết ở vụ án khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Cẩm N trình bày: Ông V và bà N có nợ bà số tiền 19.500.000 đồng, bao gồm tiền mua vôi trong việc sử dụng trong việc nuôi tôm và tiền mượn để mua tôm giống. Đối với khoản nợ này, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này; khi cần thiết sẽ yêu cầu giải quyết ở vụ án khác.

Từ những nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 62/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn V đối với bà Nguyễn Bạch Ng. Ông Nguyễn Văn V được ly hôn với bà Nguyễn Bạch N.

Về con chung: Có ba con chung tên Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1984; Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1988 và Nguyễn Thanh V, sinh năm 1992. Các con đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên ông V và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng. Cho nên, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Tách phần chia tài sản chung và nợ chung giải quyết ở vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13 tháng 12 năm 2018, bị đơn bà Nguyễn Bạch N kháng cáo không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn V. Yêu cầu chia tài sản chung và chia nợ chung của vợ chồng số tiền 96.500.000 đồng như sau: Vay Ngân hàng chính sách 12.000.000 đồng để nuôi tôm, thiếu ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị L 65.000.000 đồng mua thức ăn nuôi tôm, thiếu bà Huỳnh Thị Cẩm N 19.500.000 đồng tiền mua vôi và mượn mua tôm giống.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Bạch N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Bạch N nộp trong thời hạn luật định và hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bà N không đồng ý ly hôn với ông V, Hội đồng xét xử, xét thấy: Ông V và bà N thống nhất xác định ông bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1982, được Ủy ban nhân dân xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 13/7/2001, nên hôn nhân giữa ông V và bà N là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*. Xét thấy, ông V xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, ông và bà N đã ly thân 10 năm nay, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N. Bà N xác định trong quá trình chung sống, ông V thường xuyên chửi mắng, đánh đập bà, có lần ông V đánh bà nhập viện điều trị 03 ngày tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B; ông V đã đi nơi khác sinh sống khoảng 06 tháng nay và bà không còn tình cảm với ông V. Do đó, có căn cứ xác định trong quá trình chung sống, ông V có hành vi bạo lực gia đình với bà N, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng; ông V và bà N không còn tình cảm với nhau; nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của bà N yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng số tiền 96.500.000 đồng, Hội đồng xét xử, xét thấy: Về tài sản chung và nợ chung do cấp sơ thẩm chưa giải quyết, nên cấp phúc thẩm không giải quyết, các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác.

[5] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Bạch N; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 62/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, bà Nguyễn Bạch N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Bạch N. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 62/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V được ly hôn với bà Nguyễn Bạch N.

2. Về con chung: Có ba con chung tên Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1984; Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1988 và Nguyễn Thanh V, sinh năm 1992; đã thành niên, nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách phần chia tài sản chung và nợ chung giải quyết ở vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn V đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 1.050.000 đồng theo biên lai thu số 0008077 ngày 03/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí số tiền 300.000 đồng; ông Nguyễn Văn V được nhận lại số tiền 750.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà Nguyễn Bạch N phải chịu 300.000 đồng. Bà Nguyễn Bạch N đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000182 ngày 14/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Lệ Kiều